



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM CHON PHU NGUYEN
Last Middle First

Current Address: 76 Lê Lợi Huế'

Date of Birth: 8-1-1940 Place of Birth: Tỉnh Thừa Thiên Huế'

Previous Occupation (before 1975) Thiếu Tá - phụ tá Huân huy chương / Phòng 3
(Rank & Position) Quân Đoàn I Tiên phong.

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 14-6-1975 To 18-1-1982
Years: 6 Months: 7 Days: 04

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM CHON PHU NGUYEN
Last Middle First

Current Address: 76 Lê Lợi Huế'

Date of Birth: 8-1-1940 Place of Birth: Tỉnh Thừa Thiên Huế'

Previous Occupation (before 1975) Thiếu tá - phụ tá Huân luyện / Phòng 3
(Rank & Position) Quân Đoàn I Tiên phong.

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 14-6-1975 To 18-1-1982
Years: 6 Months: 7 Days: 04

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Kính thưa Bà Hội-tướng,

Tôi xin gửi hồ-sơ xin tái định cư
tại Hoa-kỳ theo diện HO, kính mong
Bà cứu xét và lo giúp.

Chúng tôi đã liên hệ với các cơ quan
chức-năng tại Việt-nam nhưng không
được kết-quả vì thiếu văn bản cần thiết
do phía Hoa-kỳ cung-cấp. Theo giải-thích
của Dịch-vụ xuất-cảnh VH, tương đương phải
xuat-trial thêm một văn bản từ phía Hoa-
kỳ, chấp-thuận cho gia đình tôi được tái
định cư. Theo tôi, văn bản này nên được
lời thì quý, cũng không thì một chứng chỉ
xác-nhận dưới một hình thức nào khác
cũng được (chẳng hạn như có tên trong danh-sách
của Mỹ lập khi-từ năm 19.000 người CP
Hoa-kỳ đã gửi cho VH) và báo chí VH đã
đăng hàng-tuần).

Xin chân thành đa tạ Bà Hội-tướng.

VH, ngày 02-07-1990

Kính thư,

Phước C

QUESTIONNAIRE FOR EX-POLITICAL PRISONER IN VIET NAM

I/ BASIC INFORMATION OF APPLICANT IN VIET NAM

1. Full name : NGUYEN PHU CHON
2. Date, place of birth : January 8 th, 1940 - Hue
3. Position before April 1975.
 - Rank : Major
 - Function : Training G 3 Major
 - Military serial number : 60/200.138
4. Month, date, year arrested : 14-6-1975
5. Month, date, year out of camp : January 18th, 1982
6. Photocopy of release certificate: Attached here with
7. Present mailing address of ex-political prisoner
76 LE LOI, HUE, VIET NAM
8. Current address : 76 LE LOI, HUE, VIET NAM
9. US medals :

II/ LIST FULL NAME, DOB, POB of ex-political :

1. Relative to accompany with / ex-political prisoner

No	Full Name	Date place of birth	Sex	M/S	Relation ship
1	TON NU THI PHUOC	Jun 8th, 1946 Hue	F	M	wife
2	NGUYEN THI DIEU THANH	April 24th 1971 - Hue	F	S	daughter
3	NGUYEN THI DIEU TRANG	Oct. 9th, 1972 Hue	F	S	daughter
4	NGUYEN PHU DUC	Feb. 10th, 1974 Hue	M	S	Son
5	NGUYEN PHU TRI	March 26th, 1985 - Hue	M	S	Son

2. Complete family listing (living, dead) of ex-political prisoner

- Father : Nguyen Phu Thi - dead
- Mother : Do thi Lua - dead
- Spouse : TON NU THI PHUOC 76 LE LOI HUE - VIET NAM
- Children :
 1. Nguyen thi Dieu Anh - dead
 2. Nguyen thi Dieu Thanh - living
 3. Nguyen thi Dieu Trang - living
 4. Nguyen Phu Duc - living
 5. Nguyen Phu Tri - living
- Sibbings :
 - 1.
 - 2.

III/ RELATIVE OUT SIDE :

1. IN THE U.S.A.

NONE

- a) Name
- b) Relationship
- c) Address

2. IN THE OTHER COUNTRIES : NONE

- a) Name
- b) Relationship
- c) Address

IV/ HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICANT FOR YOUR FAMILY

- 1. Reunification until now :
- 2. Reply from BANGKOK ODP :
- 3. The ODP BANGKOK'S LOI :

V/ ANY COMMENT REMARK :

I was his wife. My husband and my daughter was died on January 22nd, 1988. For myself, I submit this applicant for my family for immigration in the U.S.A. under the H.O program agreed by the both U.S government and VIET NAM government.

VI/ PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTION-

NAIRE

- THE PAPERS ARE LISTED AS FOLLOWS :

- 1. Photocopy of release certificate
- 2. Birth certificate of each member in my family
- 3. Photocopy of all member in my family stock on photos
- 4. Marriage certificate
- 5. Died certificate of my husband and my daughter.

Hue, May 15th, 1990


Ton nu thi Phieu

BỘ NỘI VỤ
TRƯỞNG XÃ PHƯỚC
Số 9 CQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mã số CC QLTC ban
hành theo công văn số
2725 ngày 27 tháng 11
năm 1982

GIẤY RA TRAI

0037. 79.0220.2

Theo thông tư số 906-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành, án, văn, quyết định tha số 02/QĐ ngày 05 tháng 01 năm 1982
của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Phú Chơn
Họ, tên thường gọi Tên
Họ, tên bí danh Tên
Sinh ngày 08 tháng 01 năm 1943
Nơi sinh Thị trấn Thiên
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 64/ Lê Lợi Huế

Can tội Thiếu tá Phong Huân Luyến
Bị bắt ngày 14/6/1975 An phạt 0 năm TTQT
Theo quyết định, An văn số XXXX ngày 08 tháng 12 năm 1978 của BỘ NỘI VỤ

Đã tăng án Tên, cộng thành Tên năm Tên
Đã được giảm án Tên, cộng thành Tên tháng Tên
Nay về cư trú tại 64/ Lê Lợi Huế
Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: Đã xác định được tội lỗi chịu sự cải tạo

Lao động: có nhiều cố gắng đảm bảo ngày công

Học tập: Tiếp thu được, tham gia đầy đủ

Nội qui: Chấp hành nghiêm, ít sai phạm

Đề nghị UBND công an cấp, cấp, cấp, cấp vào tính hiệu đặc điểm của địa phương tỉnh chất tại lỗi và thái độ cải tạo của đương sự mà quy định nơi cư trú (quanh 12 tháng) đồng thời tiến hành các biện pháp quản lý quần thể khác cho thích hợp nhằm tạo mọi điều kiện cho đương sự làm ăn sinh sống

Đã tay ngón trái phải

Của Nguyễn Phú Chơn
Đánh dấu 04075
Lập tại Xuân Phước



Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Nguyễn Phú Chơn

Ngày 18 tháng 1 năm 1982

KT/ Giám thị

KT/

Hồ Trại Tịch

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Lê Lợi
Huyện, Quận
Thị trấn, Thành phố Thừa Thiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT
Số.....
Quyển.....



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên TÊN NGUYỄN THỊ PHƯỚC Nam hay nữ Nữ
Ngày, tháng, năm sinh 18.8.1948
Nơi sinh Bình Lạc, Quận Phú Vang, Tỉnh Thừa Thiên
Dân tộc Hinh Quốc tịch Việt Nam

Phản khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	<u>Họ THỊ ĐÀ</u>	<u>TÊN THẮT THẮNG</u>
Tuổi	<u>1921</u>	<u>1912</u>
Dân tộc	<u>Hinh</u>	<u>Hinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Buôn bán</u>	<u>ở nhà</u>
Nơi thường trú	<u>74 Lê Lợi</u>	<u>74 Lê Lợi</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Tên Nguyễn Thị Phước thường trú tại 74 Lê Lợi Huế
Số chứng minh 190066660

Người đứng khai ký

Đăng ký ngày..... tháng..... năm 19.....
T/m Ủy ban nhân dân

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 8 tháng 5 năm 1990

T/m ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Chanh

Số hiệu _____

KHAI SANH

Họ và tên ấu nhi _____

Phái _____

Sanh ngày _____
(ngày tháng, năm)

Tại _____

Cha _____

(họ và tên)

Tuổi _____

Nghề nghiệp _____

Cư trú tại _____

Mẹ _____

(họ và tên)

Tuổi _____

Nghề nghiệp _____

Cư trú tại _____

Vợ _____

(chánh hay thứ)

Người khai _____

(họ và tên)

Tuổi _____

Nghề nghiệp _____

Cư trú tại _____

Ngày khai _____

Người chứng thứ nhất _____

(họ và tên)

Tuổi _____

Nghề nghiệp _____

Cư trú tại _____

Người chứng thứ nhì _____

(họ và tên)

Tuổi _____

Nghề nghiệp _____

Cư trú tại _____

Làm tại _____ ngày _____ năm 19 71

Người khai _____ Hộ tịch _____ Nhân chứng _____

Bác-sĩ NGUYỄN-VĂN-VĨNH

LÊ-QUANG-DỊCH

KHAI SANH

Họ và tên ấu nhi	NGUYEN-THI-DIEU-TRANG
Phái	Nữ
Sinh ngày	Chín tháng mười năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai
(ngày tháng, năm)	(09-10-1972) ngày mồng ba tháng chín năm Nhâm-Ty
Tại	Bệnh-Viện Trung-Vương Huệ lúc 11 giờ sáng
Cha	NGUYEN-THU-CHON
(họ và tên)	
Tuổi	32 tuổi
Nghề nghiệp	Quản-nhân
Cư trú tại	KBC-4.895
Mẹ	TON-NU-THI-PHUOC
(họ và tên)	
Tuổi	24 tuổi
Nghề nghiệp	Đoàn-ban
Cư trú tại	5/14 Đồi Quảng Huệ
Vợ	Chánh
(chánh hay thứ)	
Người khai	Bác-Sĩ NGUYEN-VAN-VINH
(họ và tên)	
Tuổi	43 tuổi
Nghề nghiệp	Bác-Sĩ Trưởng Khu Ho-Sinh
Cư trú tại	Bệnh-Viện Huệ
Ngày khai	Mười sáu tháng mười năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (16-10-1972)
Người chứng thứ nhất	
(họ và tên)	
Tuổi	
Nghề nghiệp	
Cư trú tại	
Người chứng thứ nhì	
(họ và tên)	
Tuổi	
Nghề nghiệp	
Cư trú tại	

Làm tại Khu-Pho Vinh-Nhật ngày 16 tháng 10 năm 1972
 Người khai Hộ lại Nhân chứng

Bác NGUYEN-VAN-VINH

TRẦN VĂN KIỆT

MIỀN TÂY-THỰC
 HỒ SƠ SỞ Y
 HỒ SƠ TĂNG CƯỜNG
 HỒ SƠ CHẾ ĐỘ Y KHOA

PHUNG-TRICH

Ngày 16 tháng 10 năm
 Trưởng Trưởng Khoa
 Trưởng Viện



TRẦN VĂN KIỆT

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tỉnh, Thị-Xã Huế

Quận Phù

Xã, Phường Phủ-Cát

Số hiệu : 50

Q

TRÍCH - LỤC

Bộ Khai - Sanh

Lập ngày 11 tháng 02 năm 19 74

Tên họ đứa trẻ : NGUYỄN-PHÚ-ĐỨC

Con trai hay con gái : Trai

Ngày sanh : Ngày 10 tháng 02 năm 1974
(ngày 19 tháng Giêng năm
Giáp-Dần lúc 06 giờ 15).

Nơi sanh : Nhà Hộ sinh số 80 đường
Chi-Lăng Huế.

Tên họ người cha : NGUYỄN-PHÚ-CHƠN

Tên họ người mẹ : TÔN ĐU THỊ-PHƯỚC

Vợ chánh hay không
có hôn-thứ : Vợ chánh

Tên họ người đứng khai : NGUYỄN-PHÚ-CHƠN

ĐANG TRÍCH-LỤC

Huế ngày 12 tháng 02 năm 1974 Trích lục y bản chánh

Phường-Trưởng Kiểm-Hộ-Lai

Phường Phủ-Cát

ngày 12 tháng 02 năm 19

Viên-chức Hộ-tích,



LÊ BÁ-NH



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT₂-P₂

Xã phường Vĩnh Lợi

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huyện

Tỉnh, Thành phố Huế

BẢN SAO

Số 5193

GIẤY KHAI SINH

Quyển số 04

Họ và tên	NGUYỄN - PHÚ - TRÍ		Nam, ☒
Sinh ngày tháng, năm	28-3-1985. (lúc 06.30 giờ ngày mùng 8 tháng 2 năm ẤT-Sửu).		
Nơi sinh	Bệnh viện Huế.		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm, sinh)	NGUYỄN - PHÚ CHƠN 45 tuổi, 8-1-1940-	TÔN - NỮ - TRÍ - PHƯỚC 37 tuổi, 16-8-1948	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt. Nam -	
Nghề nghiệp	Đan áo mìn	Nội trợ	
Nơi ĐKNK thường trú	76-lê Lợi - Huế	76-lê Lợi - Huế	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGUYỄN - PHÚ CHƠN, 45 tuổi, 76-lê Lợi - Huế - Số CMND: 191001827-		

BTT/1027/50.020/0-81 - Kim

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 2 tháng 4 năm 1985

T/M UBND
(Ký tên đóng dấu)

Đang ký, ngày tháng năm 198

T/M ủy ban nhân dân

(Ký tên đóng dấu ghi rõ họ tên chức vụ)

ẢNH TOÀN GIA ĐÌNH
của Thiệu Tá Nguyễn Phú Chơn (chết)



Tôn nữ thi
Phước
vợ Nguyễn Phú
Chơn



Nguyễn thi
Diễm Thanh
(con)



Nguyễn thi
Diễm Trang
(con)



Nguyễn phú
Đức
(con)



Nguyễn phú
Trí
(con)

GIẤY KHAI BẢNG KÝ KẾT HÔN

Kính gửi UBND : Chủ tịch Vĩnh Lợi

Chúng tôi có tên dưới đây làm đơn xin UBND đăng ký kết hôn như sau :

	NAM	NỮ
HỌ TÊN Bí danh	<u>NGUYỄN PHÚ CHÓN</u>	<u>TÊN NỮ THỊ PHƯỚC</u>
Sinh ngày, tháng, năm hoặc tuổi	<u>08-01-1940</u>	<u>16-8-1948</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>VIỆT NAM</u>	<u>Kinh</u> <u>VIỆT NAM</u>
Nghề nghiệp	<u>Quân nhân</u>	<u>Buôn bán</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú :	<u>Thị trấn Lái Hào</u> <u>Số 12 Ngõ 10 Phố</u> <u>Thị trấn Thuận Thành</u>	<u>14 Lũ Lũ Hào</u>
Số giấy CM. giấy CNCC hoặc hộ chiếu :		
Kết hôn lần thứ mấy :	<u>nhất</u>	<u>nhất</u>

— Yêu cầu khai rõ điền 9, 10 của luật hôn nhân và gia đình : _____

— Chúng tôi cam đoan những điều khai trên đây là đúng và không vi phạm vào điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình.

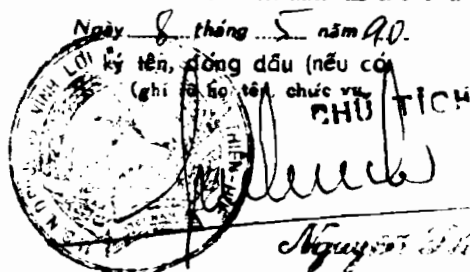
— Vậy đề nghị UBND công nhận và đăng ký việc kết hôn của chúng tôi vào ngày 26 tháng 3 năm 1967

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Nam ký tên

Nữ ký tên



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HIT 12

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Xã, phường Vĩnh Lợi

Số 04/90

Huyện, quận

Quyền số 02

Tỉnh, thành phố Huế

GIẤY CHỨNG TỬ

Căn cứ giấy báo tử số ngày tháng năm
Của người (hoặc cơ quan) báo tử Cô Nữ thi Phước
Nơi thường trú 76 Lê Lợi - Huế

Số giấy chứng minh hoặc hộ chiếu
Quan hệ với người chết Vợ của người chết

NAY CHỨNG TỬ:

Họ và tên người chết Nguyễn Phú Chơn Nam, nữ Nam
Sinh ngày 8 tháng 1 năm 1940
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam
Nơi thường trú 76 Lê Lợi - Huế

Chết ngày 22 tháng 4 năm 1988
Nơi chết 76 Lê Lợi - Huế

Nguyên nhân chết Bị bắn chết

Việc mai táng phải tiến hành chậm nhất trong vòng 24 giờ kể từ khi chết, trừ trường hợp có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền theo luật định.

Ngày 11 tháng 6 năm 1990

T/M UBND

(Ký tên đóng dấu)

CHỦ TỊCH

(Signature)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HIT 12

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, phường Vĩnh Lợi

Số 05/90

Huyện, quận Huế

Quyển số 02

Tỉnh, thành phố Thừa Thiên Huế

GIẤY CHỨNG TỬ

Căn cứ giấy báo tử số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____
Của người (hoặc cơ quan) báo tử Còn Nữ thi Phước
Nơi thường trú 76 Lê Lợi - Huế

Số giấy chứng minh hoặc hộ chiếu _____
Quan hệ với người chết Me của người chết

NAY CHỨNG TỬ :

Họ và tên người chết Nguyễn Thị Diệu Anh Nam, nữ Nữ
Sinh ngày 6 tháng 12 năm 1967
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam
Nơi thường trú 76 Lê Lợi - Huế

Chết ngày 22 tháng 1 năm 1988
Nơi chết 76 Lê Lợi - Huế

Nguyên nhân chết Bị bắn chết

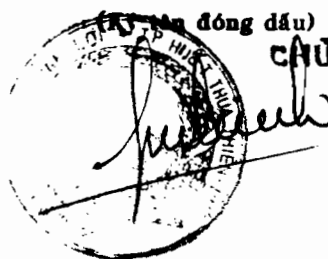
Việc mai táng phải tiến hành chậm nhất trong vòng 24 giờ kể từ khi chết,
trừ trường hợp có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền theo luật định.

Ngày 28 tháng 04 năm 1990

T/M UBND

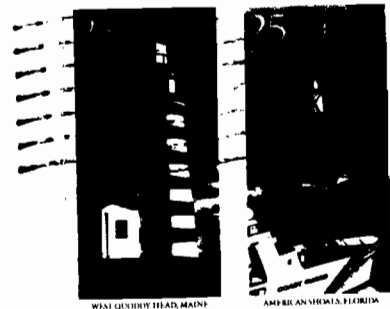
(Ký và đóng dấu)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Diệu Anh

Ton nu Thi Phuoc
76 Le Loi
Hue - Vietnam



JUL 16 1990

Families of Vietnamese Political
Prisoners Association
P.O. Box 5435
Arlington, VA 22205-0635